

Số: 4192/YCBG-BVĐKBN2
V/v Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm
hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho
phòng CNTT

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 05 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT
Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 4154/QĐ-BVĐKBN2 ngày 07/05/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu: Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT;

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 02223821242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (Bản PDF có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 05 năm 2026 đến trước 16h30' ngày 15 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 05 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ chi tiết: Theo phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa, dịch vụ:

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ chịu trách nhiệm về việc cung cấp hàng hóa cho gói thầu Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT đảm bảo đúng yêu cầu về tính năng, kỹ thuật trong yêu cầu báo giá. (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

- Thời gian dự kiến gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành sau khi nghiệm thu, trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (biên bản nghiệm thu và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản số tiền mà bên bán cung cấp dịch vụ.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%.

- Yêu cầu về bảo hành: Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Báo giá đã bao gồm chi phí lắp đặt, chạy thử, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... và các khoản chi phí khác có liên quan để thiết bị hoạt động được, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế (đăng tải);
- Phòng CNTT (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HĐXD Giá.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC DANH MỤC

Gói thầu: Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm hệ thống Switch và bộ nhớ RAM cho phòng CNTT

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 4192/YCBG-BVĐKBN2 ngày 07/05/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Ram máy chủ	RAM 32GB DDR4 3200 ECC Registered DIMM - Dung Lượng: 32GB - Chuẩn bộ nhớ : DDR4 DRAM - Loại module: Registered DIMM (RDIMM) - Tốc độ xung nhịp tối đa (MHz): 3200MHz - Cấu trúc rank: Dual Rank - Điện áp nguồn hoạt động điển hình (V): 1.2V - Tích hợp tính năng ECC phát hiện và sửa lỗi: Có - Registered cho phép hệ thống hỗ trợ nhiều DIMM dung lượng cao hơn mà không làm quá tải CPU: Có - Độ trễ: CL22 - Số chân: 288-pin - Tương thích: Máy chủ Dell PowerEdge R740	Cái	48	
		- 32 port 40GBASE-R4 (QSFP+)/100GBASE-R4 (QSFP28) - 10GBASE-R (SFP+): 2 - 10/100/1000BASE-T (OOB): 1 - Hiệu năng cao băng thông lên đến 6.4 Tbps - USB 2.0 1 - Cổng console RS-232 (RJ-45): 1 - Tốc độ truyền dữ liệu 64 byte: 1995 MPPS - Bộ nhớ đệm: 24 MB			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Thiết bị chuyển mạch Core L3. 40Gbps up to 100Gbps	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 - ROM: 8GB uSSD - Bảng MAC: 131072/262144 - Bảng ARP: 65527/98237 Nhóm Multicast L2: 2046 VLAN table: 4094 SQinQ rules: 1320 (ingress), 1320 (egress) - Tuyến ACL IPv4/IPv6: 5089/2544, - Chính sách MAC ACL: 5089 -VRRP routers 127. Kích thước tối đa của nhóm ECMP: 64. - Số lượng VXLAN tối đa: 4093. - L3 interfaces 2050 - Nhóm tổng hợp liên kết (LAG): 128, tối đa 8 cổng mỗi LAG - Kích thước khung Jumbo: 10240 byte. Xếp chồng: tối đa 8 thiết bị Các chức năng bảo mật - DHCP Snooping. - Tùy chọn DHCP 82. - IP Source Guard - Kiểm tra ARP động. Dynamic routing: RIP/OSPF/IS-IS/BGP - sFlow - Xác thực dựa trên MAC, giới hạn địa chỉ MAC, mục MAC tĩnh - Xác thực dựa trên cổng IEEE 802.1x - Vlan khách. - Phòng chống tấn công DoS 	Cái	2	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Phân đoạn lưu lượng. - Lọc máy khách DHCP - Phòng chống tấn công BPDU. - Lọc NetBIOS/NetBEUI Chức năng giám sát - Thống kê giao diện - Giám sát từ xa RMON/SMON - Giám sát việc sử dụng CPU dựa trên loại nhiệm vụ và lưu lượng - Giám sát nhiệt độ - Giám sát TCAM - IPFIX * Chất lượng dịch vụ (QoS) và giới hạn tốc độ - Thống kê QoS - Định hình, Kiểm soát - Lớp dịch vụ (CoS) IEEE 802.1p - Kiểm soát bão phát sóng - Quản lý băng thông - Thuật toán lập lịch Ưu tiên nghiêm ngặt/Vòng tròn có trọng số (WRR) - Ba màu đánh dấu - Gán CoS/DSCP dựa trên ACL - Gán VLAN dựa trên ACL - Thiết lập ưu tiên IEEE 802.1p cho VLAN quản lý - Đánh dấu lại DSCP sang CoS, CoS sang DSCP - Gán dấu DSCP 802.1p cho IGMP • EVPN/VXLAN - Support for L2VPN services 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> – Support for L3VPN services (symmetric IRB) – Ingress replication – Multicast replication – EVPN multihoming – Anycast gateway – ARP suppression – IPv4 gateway address (for type 5 routes) – MAC mobility • Chức năng quản lý – Configuration file download and upload via TFTP/SCP – SNMP – Command Line Interface (CLI) – Web interface – Syslog – Simple Network Time Protocol (SNTP) – Network Time Protocol (NTP), NTP server, NTP peer-to-peer – Traceroute – LLDP (802.1ab) + LLDP MED – LLDP (802.1ab) – TACACS+ – Access control – privilege levels for users – Management ACL – Management interface blocking – Local authentication – IP addresses filtering for SNMP – RADIUS/TACACS+ (Terminal Access Controller Access 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>Control System) client</p> <ul style="list-style-type: none"> – SSH server – Telnet server – SSL – Macrocommands – CLI command logging – System log – DHCP autoprovision – DHCP Relay (Option 82) – DHCP Option 12 – DHCP server <p>*Chức năng L3</p> <ul style="list-style-type: none"> – Static routing – Dynamic routing protocols RIPv2, OSPFv2, OSPFv3, IS-IS, BGP¹ (IPv4 Unicast, IPv4 Multicast) – Address Resolution Protocol (ARP) – Policy-Based Routing (IPv4) – VRRP – Multicast dynamic routing protocols PIM SM, PIM DM, IGMP Proxy, MSDP. – DSCP – Protocol type – TCP/UDP port number. <p>• Chức năng Multicast</p> <ul style="list-style-type: none"> – Multicast profiles – Static Multicast groups – IGMP Snooping v1,2,3 – Port/host-based IGMP Snooping Fast Leave – BFD – IP Unnumbered – GRE protocol – VRF lite 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		* Nguồn điện dự phòng. AC: 100–240V , 50–60 Hz hoặc DC: 36–72 V			
3	Thiết bị chuyển mạch Distribute d Switch L3 Tầng Uplink 40Gbps Upto 100Gbps	<ul style="list-style-type: none"> - 1×10/100/1000BASE-T (OOB) - 24×1000BASE-X (SFP)/10GBASE-R (SFP+),6×40GBASE-R4 (QSFP+) /100GBASE-R4 (QSFP28), 1×USB 2.0 - Cổng điều khiển RS-232 (RJ-45) - Nguồn điện 100–240 V AC, 50–60 Hz 36–72 V DC - Hiệu suất: <ul style="list-style-type: none"> - Băng thông 1.68 Tbps - Bộ nhớ đệm 6 MB - RAM (DDR4) 8 GB - ROM (uSSD nhúng) 8 GB - Bảng MAC 32768 - Bảng VLAN 4094 Bộ định tuyến VRRP 127 Nhóm tổng hợp liên kết (LAG) 128, tối đa 8 cổng mỗi LAG Chất lượng dịch vụ (QoS) 8 hàng đợi đầu ra trên mỗi cổng Kích thước khung Jumbo 10240 byte Xếp chồng Tối đa 8 thiết bị Nhiệt độ hoạt động: Từ 0 đến +45 °C Nhiệt độ bảo quản: Từ -50 đến +70 °C Độ ẩm hoạt động không quá 80 % Làm mát từ trước ra sau, 4 quạt 2 bộ nguồn AC/DC có thể thay thế nóng - L2 Multicast groups: 4092 	Cái	12	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>SQinQ rules: 1320 (ingress), 1320 (egress)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng L3 – Static routing – Dynamic routing protocols RIPv2, OSPFv2, OSPFv3, IS-IS, 1 BGP (IPv4 Unicast, IPv4 Multicast) – Giao thức phân giải địa chỉ (ARP) – VRRP – PIM SM, PIM DM, IGMP Proxy, MSDP – BFD – IP Unnumbered – VRF lite 2 - OAM – 802.3ah Ethernet Link OAM – 802.3ah Unidirectional Link Detection - Chức năng bảo mật – DHCP Snooping – DHCP Option 82 – IP Source Guard – Dynamic ARP Inspection – sFlow – MAC-based authentication, MAC address limitation, static MAC entries – Port-based authentication IEEE 802.1x – Guest VLAN – DoS attack prevention – Traffic segmentation – DHCP clients filtering – BPDU attack prevention – NetBIOS/NetBEUI filtering - Access Control Lists (ACL) – L2-L3-L4 ACL (Access Control List) – Time-Based ACL – IPv6 ACL – ACL based on: – Switch port – IEEE 802.1p – VLAN ID – EtherType – DSCP – Protocol type – TCP/UDP port number - Chức năng L2 Multicast – Multicast profiles – Static Multicast groups – IGMP Snooping v1,2,3 – Port/host-based IGMP Snooping Fast Leave – PIM-Snooping – IGMP authorization via RADIUS – MLD Snooping v1,2 – IGMP Querier. - Tính năng Giao Diện – Head-of-line blocking (HOL) protection – Back pressure – Auto MDI/MDIX – Jumbo frames – Flow Control (IEEE 802.3X) – Port Mirroring – Stacking 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính năng giám sát– Thống kê giao diện – Giám sát từ xa RMON/SMON – Giám sát mức sử dụng CPU dựa trên tác vụ và lưu lượng truy cập – Giám sát nhiệt độ – Giám sát TCAM – IPFIX 			
4	Thiết bị chuyển mạch Access L3	<ul style="list-style-type: none"> - 24 port 10/100/1000BASE-T (RJ-45) - 4 port 10GBASE-R (SFP+)/1000BASE-X (SFP) 1 × Console port RS-232 (RJ-45) - Băng thông: 128 Gbps - Bộ đệm: Buffer memory 1,5 MB - Bộ nhớ trong: RAM (DDR4) 2 GB - ROM (RAW NAND) 512 MB - MAC table 16384 - VLAN table 4094 - Bảng định tuyến VRRP routers 255 - Link Aggregation Groups (LAG) 32, up to 8 ports per LAG - Chất lượng dịch vụ (QoS) 8 hàng đợi đầu ra trên mỗi cổng - Kích thước khung Jumbo 10240 byte Xếp chồng Tối đa 8 thiết bị Nguồn điện Điện áp xoay chiều 100–240 V, tần số 50–60 Hz, 36–72 V DC Hỗ trợ Dying Gasp: Có Nhiệt độ hoạt động Từ -20 đến +50 °C Nhiệt độ bảo quản Từ -50 đến +70 °C Làm mát Tự động Độ ẩm hoạt động Không quá 80 % Hình dạng 19", 1U Rắc cắm nguồn phía trước, thuận tiện cho thao tác triển khai xử lý hệ thống - L3 IPv4 Unicast routes 4063 	Cái	25	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - L3 IPv6 Unicast routes 1014 1 L3 IPv4 Multicast (IGMP Proxy, PIM) routes 1981 1 L3 IPv6 Multicast (IGMP Proxy, PIM) routes 505 VRRP routers 255 Maximum number of ECMP groups 1024 ECMP routes 8 VRF number 16 (including default VRF) - Tính năng giao diện – Head-of-line blocking (HOL) protection – Back pressure – Auto MDI/MDIX – Jumbo frames – Flow Control (IEEE 802.3X) – Port Mirroring (SPAN, RSPAN) – Stacking - Chức năng VLAN: – Voice VLAN – IEEE 802.1Q – Q-in-Q – Selective Q-in-Q – GVRP - Chức năng L2 Multicast: – Multicast groups – Static Multicast groups – IGMP Snooping v1,2,3 – Host/port-based IGMP Snooping Fast Leave – IGMP proxy-report – IGMP authorization through RADIUS – MLD Snooping v1,2 – IGMP Querier – MVR - Chức năng L2: – STP (Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1d) – RSTP (Rapid Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1w) – MSTP (Multiple Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1s) – PVSTP+ – RPVSTP+ – Spanning Tree Fast Link option – STP Root Guard – BPDU Filtering – STP BPDU Guard – LBD (Loopback Detection) – ERPS (G.8032v2) – Flex-link – Private VLAN – L2PT (Layer 2 Protocol Tunneling) - Tính năng L3: – Static IP routes – Dynamic routing protocols RIPv2, OSPFv2, OSPFv3, IS-IS (IPv4 Unicast), BGP² (IPv4 Unicast, IPv4 Multicast) – BFD protocols (for BGP) – ARP (Address Resolution Protocol) – Proxy ARP – Policy-Based Routing (IPv4) – VRRP – Multicast dynamic routing protocols PIM SM, PIM DM, IGMP Proxy, MSDP – ECMP Load Balancing – IP Unnumbered – GRE protocol – VRF lite Link Aggregation functions – LAG groups creation – LACP – LAG 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Balancing Algorithm – MLAG (Multi-Switch Link Aggregation Group) IPv6 functions – IPv6 Host – Dual-stack IPv6, IPv4 - Tính năng bảo mật – Protection against unauthorized DHCP servers (DHCP Snooping) – DHCP option 82 – IP Source Guard – Dynamic ARP Inspection – sFlow – MAC-based authentication, Port Security, Static MAC entries – Port-based authentication IEEE 802.1x – Guest VLAN – DoS attack prevention – Traffic segmentation – DHCP clients filtering – BPDU attack prevention – NetBIOS/NetBEUI filtering - Access Control Lists (ACL) – L2-L3-L4 ACL (Access Control List) – Time-Based ACL – IPv6 ACL – ACL based on: – Switch port – IEEE 802.1p – VLAN ID – EtherType – DSCP – IP protocol type – TCP/UDP port number – User Defined Bytes - OAM - 802.3ah Ethernet Link OAM - 802.3ah Unidirectional Link Detection - Chức Năng Giám Sát: Interface statistics – RMON/SMON remote monitoring – IP SLA – CPU utilization monitoring per task and per traffic type – RAM monitoring – Temperature monitoring – TCAM monitoring			
5	Thiết bị chuyên mạch	- 48x 10/100/1000BASE-T (RJ-45) - 4x 10GBASE-R (SFP+)/1000BASE-X (SFP) - Cổng điều khiển RS-232 (RJ-45)x 1 - Hiệu suất: - Băng thông 176 Gbps - Bộ nhớ đệm 3 MB - RAM (DDR4) 2 GB - ROM (NAND)512 MB - Bàn MAC 16384	Cái	16	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Bảng VLAN 4094 - Bộ định tuyến VRRP 255 - Nhóm tổng hợp liên kết (LAG) 32, tối đa 8 cổng trong một LAG - Chất lượng dịch vụ (QoS) 8 hàng đợi đầu ra trên mỗi cổng - Khung ảnh cỡ lớn 10240 byte - Xếp chồng 8 thiết bị - Các thông số vật lý: - Nguồn điện Điện áp xoay chiều 100–240 V, tần số 50–60 Hz - Điện áp một chiều 12V - Hỗ trợ Dying Gasp: Đúng - Nhiệt độ hoạt động Từ -20 đến +50 °C - Nhiệt độ bảo quản Từ -50 đến +70 °C - Làm mát 2 quạt - Độ ẩm hoạt động Không quá 80 % - Hình dạng 19", 1U - Tính năng giao diện: - Head-of-line blocking (HOL) protection - Back pressure - Auto MDI/MDIX - Jumbo frames - Flow Control (IEEE 802.3X) - Port Mirroring (SPAN, RSPAN) - Stackin - Hỗ trợ VLAN : Voice VLAN - IEEE 802.1Q - Q-in-Q - Selective Q-in-Q - GVRP - Tính năng L2 Multicast: Multicast profiles - Static Multicast groups - IGMP Snooping v1,2,3 - Host/port-based IGMP Snooping Fast Leave - IGMP proxy-report - IGMP authorization through RADIUS - MLD Snooping v1,2 - IGMP Querier - MVR - Tính năng L2 : STP (Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1d) - RSTP (Rapid Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1w) - MSTP (Multiple 			

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		<p>Spanning Tree Protocol, IEEE 802.1s) - PVSTP+ - RPVSTP+ - Spanning Tree Fast Link option - STP Root Guard - BPDU Filtering - STP BPDU Guard - LBD (Loopback Detection) - ERPS (G.8032v2) - Flex-link - Private VLAN - L2PT (Layer 2 Protocol Tunneling)</p> <p>- Tính năng L3: L3 functions - IP routes - RIPv2, OSPFv2, OSPFv3, IS-IS (IPv4 Unicast), BGP¹ (IPv4 Unicast, IPv4 Multicast) - BFD protocol (for BGP) - ARP (Address Resolution Protocol) - Proxy ARP - Policy-Based Routing (IPv4) - VRRP - Multicast dynamic routing protocols PIM SM, PIM DM, IGMP Proxy - ECMP Load Balancing - IP Unnumbered - VRF lite</p> <p>- Tính năng Bảo mật: Protection against unauthorized DHCP servers (DHCP Snooping) - DHCP option 82 - IP Source Guard - Dynamic ARP Inspection - sFlow - MAC-based authentication, Port Security, Static MAC entries - Port-based authentication IEEE 802.1x - Guest VLAN - DoS attack prevention - Traffic segmentation - DHCP clients filtering - BPDU attack prevention - NetBIOS/NetBEUI filtering</p> <p>- Access Control Lists (ACL) - L2-L3-L4 ACL (Access Control List) - Time-Based ACL - IPv6 ACL - ACL based on: - Switch port - 802.1p priority VLAN ID - EtherType - DSCP - Protocol type - TCP/UDP port number - User Defined Bytes</p>			
6	Module quang 10Gb	- SFP+10G 10km, 1310nm SM, DDM Dual LC-connector	Chiếc	100	
7	Module 40Gb	QSFP+ 40G 10km, bước sóng từ Min 1264.5nm đến max 1337.5nm SM, Dual LC-connector	Chiếc	30	

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Cáp Stack	Cáp Stack 100G AOC cabelle 3m	Sợi	2	
9	Hộp phối quang 48FO	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện - Màu: Trắng, ghi sáng - Cấu trúc Dạng 2 mảnh, chuẩn rack 19", đầy đủ phụ kiện: dây hàn quang, adapter, ống co nhiệt - Công 48 cổng adapter, có thể dùng adapter SC, FC, ST, LC - khay hàn 2 khay hàn, chứa 48 mỗi hàn Nhiệt độ hoạt động: -40C~80C	Cái	1	
10	Hộp phối quang 24FO	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện - Màu: Trắng, ghi sáng - Cấu trúc Dạng 2 mảnh, chuẩn rack 19", đầy đủ phụ kiện: dây hàn quang, adapter, ống co nhiệt - Công 24 cổng adapter, có thể dùng adapter SC, FC, ST, LC - khay hàn 1 khay hàn, chứa 24 mỗi hàn - Nhiệt độ hoạt động -40C~ 80C	Cái	2	
11	Hộp phối quang 8FO	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện - 8 Cổng adapter. Dạng 2 mảnh sử dụng khung ODF 24, chuẩn rack 19" lắp tủ, đầy đủ phụ kiện gồm (dây hàn quang, adapter, ống co nhiệt 1 khay hàn, chứa 8 mỗi hàn, ...) 	Cái	8	
12	Dây nhảy quang	Dây nhảy quang SC/UPC-LC/UPC, dài 3m, Single mode, sợi đôi	Sợi	200	

(Mẫu bảng báo giá kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 07/05/2026)

CÔNG TY.....

Địa chỉ:.....

Email:.....

Số ĐT liên lạc:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền – Phường Võ Cường – Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3.821.242

Email: bvdkbacninh@gmail.com.

1. Công ty/cửa hàng/ Đơn vị chúng tôi kính gửi quý Bệnh viện báo giá sau:

STT	Danh mục hàng hoá/dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật/ Mô tả dịch vụ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VND)
1											
2											
...											
Tổng cộng:											

(Thành tiền bằng chữ:/.)

- Báo giá đã bao gồm chi phí lắp đặt, chạy thử, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... và các khoản chi phí khác có liên quan để thiết bị hoạt động được, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 15/05/2026.
- Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ